

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2020/DS-ST**

Ngày: 17-8-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng

góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Cảnh

2. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Khánh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2020/TLST- DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huệ A, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ A: Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1976, đại diện theo giấy ủy quyền ngày 21/02/2020 (có mặt);

HKTT: ấp TH, xã TB, huyện PH, tỉnh Hậu Giang. Địa chỉ: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: - Bà Trương Thanh T (Thị T), sinh năm 1969 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Phan Văn X, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: T9, ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong các đơn khởi kiện ngày 15/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Huệ A trình bày và yêu cầu như sau:*

Vợ anh là chị Nguyễn Thị Huệ A có tổ chức góp hội, bà Trương Thanh T (Thị T) vợ của ông Phan Văn X tham gia góp 07 dây hội như sau:

Dây thứ nhất 1- Ngày 15/8/2017 âl, mở dây hội loại 2.000.000 đồng, gồm có 31 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, bà T tham gia góp 01 phần, góp hội sống 22 lần lĩnh, góp hội chết được 02 lần thì không góp nữa, đi bỏ địa phương (ngày không góp là tháng 7/2019), còn nợ lại 07 lần hội chết đến ngày 15/02/2020 âl hội mãn, với số tiền 14.000.000 đồng.

Dây thứ 2- Ngày 20/6/2018 âl, loại hội 2.000.000 đồng, gồm có 27 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, bà T tham gia góp 01 phần, góp hội sống 08 lần lĩnh, góp hội chết được 05 lần thì không góp nữa, đi bỏ địa phương (ngày không góp là tháng 7/2019), còn nợ lại 14 lần hội chết, hội mãn ngày 20/7/2020 âl với số tiền 28.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl, không góp hội chết 11 lần, với số tiền 22.000.000 đồng.

Dây thứ 3- Ngày 30/8/2018 âl, loại hội 2.000.000 đồng, gồm có 32 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 30 hàng tháng, bà T tham gia góp 01 phần, góp hội sống 11 lần lĩnh, không góp hội chết, còn nợ lại 21 lần hội chết đến khi hội mãn ngày 30/02/2021 âl với số tiền 42.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl, không góp hội chết 10 lần, với số tiền 20.000.000 đồng.

Dây thứ 4- Ngày 10/9/2018 âl, loại hội 2.000.000 đồng, gồm có 31 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, bà T tham gia góp 01 phần, góp hội sống 10 lần lĩnh, không góp hội chết, còn nợ lại 21 lần hội chết đến khi hội mãn ngày 10/02/2021 âl với số tiền 42.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl, không góp hội chết 10 lần, với số tiền 20.000.000 đồng.

Dây thứ 5- Ngày 05/10/2018 âl, loại hội 5.000.000 đồng, gồm có 22 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 05 hàng tháng, bà T tham gia góp 01 phần, góp hội sống 09 lần lĩnh, không góp hội chết, còn nợ lại 13 lần hội chết đến khi hội mãn ngày 05/6/2020 âl với số tiền 65.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl, không góp hội chết 10 lần, với số tiền 50.000.000 đồng.

Dây thứ 6- Ngày 20/02/2019 âl, loại hội 5.000.000 đồng, gồm có 24 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, bà T tham gia góp 02 phần, góp hội sống 05 lần lĩnh 01 phần còn 01 phần hội sống, không góp hội chết, còn nợ lại 19 lần hội chết đến khi hội mãn ngày 20/12/2020 âl với số tiền 95.000.000 đồng, đồng thời chị Huệ A nợ lại bà T 05 lần hội sống với số tiền 25.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl bà T nợ 01 phần hội chết 10 lần, với số tiền 50.000.000 đồng.

Dây thứ 7- Ngày 05/4/2019 âl, loại hội 2.000.000 đồng, gồm có 29 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 05 hàng tháng, bà T tham gia góp 01 phần, góp hội sống 04 lần lĩnh, không góp hội chết, còn nợ lại 25 lần hội chết đến khi hội mãn ngày 05/6/2021 âl với số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl, không góp hội chết 10 lần, với số tiền 20.000.000 đồng.

Tổng 07 dây hội nói trên bà Trương Thanh T (Thị T) vợ của ông Phan Văn X nợ tiền hội chết đến khi mãn hội là 336.000.000 đồng, tính đến ngày 27/4/2020 âl, bà T vợ của ông X còn nợ tiền hội chết của chị Huệ A là 200.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu bà Trương Thanh T (Thị T) và ông Phan Văn X phải trả cho chị Huệ A số tiền hội chết đến ngày 27/4/2020 âl là 200.000.000 đồng, còn lại số tiền 136.000.000 đồng đến nay chưa mở hội anh rút lại yêu cầu khởi kiện, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Bà Trương Thanh T (Thị T) tham gia góp hội ông Phan Văn X đều biết, khi đó lĩnh hội sửa chữa nhà và mua sắm tài sản trong gia đình, chị Nguyễn Thị T1, ở ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang biết.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 02/3/2020 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn X trình bày như sau:*

Vợ ông tên Trương Thanh T, sinh năm 1969 có tham gia góp hội do chị Nguyễn Thị Huệ A làm chủ từ năm 2017 đến năm 2019, với số tiền nợ là 333.000.000 đồng là ông không hay biết, do hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế nên ông đi làm thuê rất nhiều nghề, xa nhà thời gian hơn 20 năm nay, khoảng 01 tháng mới về nhà 01 lần khoảng 01 ngày thì ông lại tiếp tục đi làm thuê. Đến tháng 7/2019, ông có thấy chị Huệ A nói chuyện với bà T về nợ tiền hội thì ông nghe được vợ ông nợ chị Huệ A 336.000.000 đồng thì ông có tính thử vợ chồng ông phải trả cho chị Huệ A và chị Minh Đ số tiền mỗi tháng 10.000.000 đồng, ông và bà T cãi nhau ông bỏ đi làm, một tháng sau thì bà T cũng bỏ đi. Nay chị Huệ A yêu cầu ông và bà T phải trả số tiền hội còn nợ là 336.000.000 đồng, khi

nào ông liên hệ được bà T thì ông động viên bà T trả dần cho hết số nợ của chị Huệ A, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trương Thanh T trình bày như sau:*

Bà tham gia góp 07 dây hụi do chị Nguyễn Thị Huệ A làm chủ như sau:

- Ngày 15/8/2017 âl, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 31 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, bà có tham gia góp 01 phần, góp hụi sống 22 lần lĩnh, góp hụi chết được 02 lần thì không góp nữa, bà đi bỏ địa phương (ngày không góp là tháng 7/2019), còn nợ lại 07 lần hụi chết đến ngày 15/02/2020 âl hụi mãn, với số tiền 14.000.000 đồng.

- Ngày 20/6/2018 âl, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 27 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, bà có tham gia góp 01 phần, góp hụi sống 08 lần lĩnh, góp hụi chết được 05 lần thì không góp nữa, bà đi bỏ địa phương (ngày không góp là tháng 7/2019), còn nợ lại 14 lần hụi chết, hụi mãn ngày 20/7/2020 âl với số tiền 28.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl, không góp hụi chết 11 lần, với số tiền 22.000.000 đồng.

- Ngày 30/8/2018 âl, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 32 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 30 hàng tháng, bà có tham gia góp 01 phần, góp hụi sống 11 lần lĩnh, không góp hụi chết, còn nợ lại 21 lần hụi chết đến khi hụi mãn ngày 30/02/2021 âl với số tiền 42.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl, không góp hụi chết 10 lần, với số tiền 20.000.000 đồng.

- Ngày 10/9/2018 âl, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 31 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, bà có tham gia góp 01 phần, góp hụi sống 10 lần lĩnh, không góp hụi chết, còn nợ lại 21 lần hụi chết đến khi hụi mãn ngày 10/02/2021 âl với số tiền 42.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl, không góp hụi chết 10 lần, với số tiền 20.000.000 đồng.

- Ngày 05/10/2018 âl, loại hụi 5.000.000 đồng, gồm có 22 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 05 hàng tháng, bà có tham gia góp 01 phần, góp hụi sống 09 lần lĩnh, không góp hụi chết, còn nợ lại 13 lần hụi chết đến khi hụi mãn ngày 05/6/2020 âl với số tiền 65.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl, không góp hụi chết 10 lần, với số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 20/02/2019 âl, loại hụi 5.000.000 đồng, gồm có 24 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, bà có tham gia góp 02 phần, góp hụi sống 05 lần lĩnh, không góp hụi chết, còn nợ lại 19 lần hụi chết đến khi hụi mãn ngày 20/12/2020 âl với số tiền 95.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl, không góp

hụi chết 10 lần, với số tiền 50.000.000 đồng nhưng chị Huệ A còn nợ lại bà 05 lần hụi sống với số tiền là 25.000.000 đồng.

- Ngày 05/4/2019 âl, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 29 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 05 hàng tháng, bà có tham gia góp 01 phần, góp hụi sống 04 lần lĩnh, không góp hụi chết, còn nợ lại 25 lần hụi chết đến khi hụi mãn ngày 05/6/2021 âl với số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl, không góp hụi chết 10 lần, với số tiền 20.000.000 đồng.

Tổng 07 dây hụi nói trên bà nợ tiền hụi chết chị Nguyễn Thị Huệ A đến khi mãn hụi là 336.000.000 đồng, tính đến ngày 27/4/2020 âl, bà còn nợ tiền hụi chết của chị Huệ A là 200.000.000 đồng.

Nay bà đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Huệ A số tiền hụi mở đến ngày 27/4/2020 âl là 200.000.000 đồng, bà hẹn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nói trên, do hiện nay gia đình kinh tế khó khăn không có khả năng trả 01 lần, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2020, người làm chứng bà Nguyễn Thị T1 trình bày:*

Bà không có bà con thân thích gì với ông Phan Văn X và bà Trương Thị T là người ở cùng xóm. Bà biết chị Nguyễn Thị Huệ A làm chủ hụi ở địa phương rất lâu, vào khoảng năm 2014 thì bà cũng có tham gia góp hụi các dây hụi đến nay đã mãn và bà đã tham gia góp đầy đủ, những người tham gia góp hụi có những ai nay bà không nhớ rõ. Đến ngày 30/8/2018 thì bà có tham gia góp dây hụi loại 2.000.000 đồng, có 32 người tham gia mở vào ngày 30 hàng tháng, dây hụi này bà biết ông X và bà T có tham gia góp đã hốt hụi, tiền hốt hụi bà T sử dụng vào việc gì thì bà không biết, không có dùng tiền góp hụi sửa chữa nhà.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị Huệ A và sổ hộ khẩu, Đơn xin xác nhận tình trạng nơi cư trú của đương sự ngày 15/01/2020, 05 Danh sách tham gia góp hụi, 07 Tờ giao kèo hụi của Trương Thanh T, Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Quốc D, Giấy chứng minh nhân dân Phan Văn X, Giấy chứng minh nhân dân Trương Thanh T, Biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị T1 ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Huệ A yêu cầu bà Trương Thanh T (Thị T) và ông Phan Văn X trả cho chị Huệ A số tiền hụi mở đến ngày 27/4/2020 âl là

200.000.000 đồng, còn lại số tiền 136.000.000 đồng đến nay chưa mở hui anh chị rút lại yêu cầu khởi kiện, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trương Thanh T thừa nhận, có tham gia góp 07 dây hui do chị Nguyễn Thị Huệ A làm chủ và bà nợ tiền hui chị Huệ A đến khi mãn hui là 336.000.000 đồng, tính đến ngày 27/4/2020 âl, bà còn nợ chị Huệ A số tiền hui là 200.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho chị Huệ A số tiền hui mở đến ngày 27/4/2020 âl là 200.000.000 đồng, bà hẹn trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ nói trên, do hiện nay gia đình kinh tế khó khăn không có khả năng trả 01 lần, tiền lĩnh hui bà sử dụng vào việc mua bán tạp hóa, bán gạo lỗ và góp hui lại hết, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Phan Văn X tự xác định, tháng 7/2019, ông có thấy chị Huệ A nói chuyện với bà T về nợ tiền hui thì ông nghe được bà T nợ chị Huệ A 336.000.000 đồng, ông và bà T cãi nhau ông bỏ đi làm. Nay chị Huệ A yêu cầu ông và bà T phải trả số tiền hui còn nợ là 336.000.000 đồng, ông không đồng ý trả mà ông làm có tiền thì ông sẽ cho bà T trả dần hết số nợ của chị Huệ A nói trên, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 238, 239 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ A yêu cầu bà Trương Thanh T (Thị T) và ông Phan Văn X trả cho chị Nguyễn Thị Huệ A số tiền hui mở đến ngày 27/4/2020 âl là 200.000.000 đồng, anh chị rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 136.000.000 đồng chưa đến ngày mở hui là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D rút lại yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ A khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trương Thanh T (Thị T) và ông Phan Văn X trả tiền hội còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp KD, xã T, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cho nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trương Thanh T (Thị T) và ông Phan Văn X biết và ấn định thời gian để bà T và ông X có ý kiến về việc chị Huệ A khởi kiện đối với bà T và ông X trả tiền hội nhưng bà T không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà T và ông X vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà T và ông X vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, bà T và ông X có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng góp hội giữa chị Nguyễn Thị Huệ A và bà Trương Thanh T xác lập hợp đồng bằng lời nói, hội có lãi và có hoa hồng, khi đó chị Huệ A có lập danh sách những người tham gia góp hội, khi lĩnh hội lập tờ giao kèo theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hội, biểu, phường.

Xét khởi kiện của chị Huệ A yêu cầu bà T và ông X trả tiền hội nợ đến ngày 27/4/2020 là 200.000.000 đồng, còn lại số tiền 136.000.000 đồng đến nay chưa mở hội chị Huệ A và anh D rút lại yêu cầu khởi kiện; bà Trương Thanh T thừa nhận, có tham gia góp 07 dây hội và bà nợ tiền hội chị Huệ A đến khi mãn hội là 336.000.000 đồng, tính đến ngày 27/4/2020 là 200.000.000 đồng, bà hẹn trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nói trên, do hiện nay kinh tế gia đình khó khăn không có khả năng trả 01 lần, tiền lĩnh hội bà sử dụng vào việc mua bán tạp hóa, bán gạo lỗ và góp hội lại hết; ông X xác định vợ ông là bà T có

tham gia góp hụi do chị Huệ A làm chủ, vào tháng 7/2019, ông thấy chị Huệ A nói chuyện với bà T về nợ tiền hụi thì ông nghe được, ông và bà T cãi nhau ông bỏ đi làm. Nay chị Huệ A yêu cầu ông và bà T phải trả số tiền hụi còn nợ là 336.000.000 đồng, ông không đồng ý trả mà ông làm có ông sẽ cho tiền bà T trả dần hết số nợ nói trên. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua trình bày và yêu cầu của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể danh sách góp hụi, các tờ giao kèo hụi (Từ bức lự số 16 đến số 22) xác định được, bà T có tham gia góp hụi do chị Huệ A làm chủ là có thật và thuộc trường hợp một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối mà bên đương sự kia đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lời khai của ông X cho rằng, bà T có tham gia góp hụi do chị Huệ A làm chủ từ năm 2017 đến năm 2019 ông không hay biết do hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế nên ông đi làm thuê rất nhiều nghề, xa nhà thời gian hơn 20 năm nay, khoảng 01 tháng mới về nhà 01 lần khoảng 01 ngày thì ông lại tiếp tục đi làm thuê. Đến tháng 7/2019, ông thấy chị Huệ A nói chuyện với bà T về nợ tiền hụi thì ông nghe được bà T vợ ông nợ chị Huệ A 336.000.000 đồng, khi đó ông và bà T cãi nhau ông bỏ đi làm thuê. Nay chị Huệ A yêu cầu ông và bà T phải trả số tiền hụi còn thì ông không đồng ý trả mà ông làm có ông sẽ cho tiền bà T trả dần hết số nợ của chị Huệ A nói trên. Hội đồng xét xử thấy rằng, tuy ông X xác định ông không có tham gia góp hụi với chị Huệ A nhưng bà T tham gia góp hụi với chị Huệ A, tiền lĩnh hụi bà T sử dụng vào việc mua bán tạp hóa, bán gạo lỗ và góp hụi lại hết nên xác định được, số tiền lĩnh hụi bà T sử dụng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình và làm phát triển khối tài sản chung hoặc tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình theo quy định khoản 2 và khoản 4 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, buộc ông Phan Văn X phải có nghĩa vụ cùng bà T trả tiền hụi cho chị Huệ A.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của chị Huệ A và người đại diện của chị Huệ A, buộc bà T và ông X phải có nghĩa vụ trả cho chị Huệ A số tiền hụi nợ đến ngày 27/4/2020 là 200.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 29 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biểu, phường.

Đối với số tiền hụi từ tháng 5/2020 đến khi mãn hụi số tiền là 136.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D rút lại yêu cầu

khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 4 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc đơn bà Trương Thanh T (Thị T) và ông Phan Văn X phải trả cho chị Nguyễn Thị Huệ A số tiền hui nợ đến ngày 27/4/2020 âm lịch là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử phần chị Nguyễn Thị Huệ A và anh Nguyễn Quốc D rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hui 136.000.000 đồng từ tháng 5/2020 âm đến khi mãn hui.

3. Về án phí: Buộc bà Trương Thanh T (Thị T) và ông Phan Văn X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (200.000.000 đồng x 5%).

Chị Nguyễn Thị Huệ A không phải chi án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Huệ A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.400.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008461 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/8/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Sang).

Trần Văn Thảo